



Thiếu văn bản và nhiều sự trăn trở

□ TRẦN TRUNG HIẾU*

vi phạm khuyết điểm trong quá trình học tập, rèn luyện bằng hình thức phê bình trước lớp, trước trường.

Đó là điều rất không thực tế. Trong cuộc sống ở mọi ngành nghề, lĩnh vực cũng như trong giảng dạy và giáo dục đều luôn phải duy trì 2 yếu tố “pháp trị” và “đức trị”. Khen thưởng khi có ưu điểm, thành tích đồng thời cũng cần có phê bình, kỷ luật khi vi phạm kỷ cương, kỷ luật. Học sinh trong thời của 4.0 có quá nhiều thú để vui, có nhiều trò để mê, có nhiều thứ để nghiện dẫn đến những tác động vào việc học hành, thi cử. Cách ứng xử, hành xử giữa trò với

thầy ngày nay đã có nhiều sự thay đổi so với các thế hệ chúng ta ngày trước. Việc ngồi học trong lớp không tập trung, nói chuyện riêng, làm việc riêng, nhác học bài cũ và làm bài tập, tác phong nói năng, ăn mặc, đi đứng theo cái cách rất hồn nhiên của lứa tuổi các em thì việc vi phạm nội quy, kỷ luật của nhà trường là chuyện bình thường. Các em sơ suất, thiếu sót, thậm chí sai phạm, sai lầm cũng là điều dễ hiểu. Những lúc như vậy, cần có sự phê bình của người lớn, của cha mẹ, thầy cô để giúp các em nhận thức được đúng - sai mà sửa.

Bất kỳ một quốc gia, dân tộc nào, dù văn

* Th.S - GV bộ môn Sư, Trường THPT chuyên Phan Bội Châu, Nghệ An

minh hay kém phát triển, một xã hội mà không còn sự nhắc nhở, phê bình hay xử lý kỷ luật là thì xã hội sẽ không còn kỷ cương, phép nước. Trong một gia đình, ông bà, cha mẹ chính là những người thầy đầu tiên để giáo dục con cháu mọi hành vi, ý thức, đạo đức. Trong các nhà trường, thầy cô chính là người thầy thứ hai đảm đương 2 thiên chức: vừa dạy chữ, dạy kiến thức văn hóa vừa dạy ý thức, nhận thức, giáo dục nhân cách, đạo đức. Giáo viên chủ nhiệm lớp, là người thay mặt Ban giám hiệu để quản lý lớp trong nhiều năm học. Các thầy cô giáo bộ môn sẽ cùng phối hợp với giáo viên chủ nhiệm để giảng dạy và giáo dục các em trên lớp, ở trường để giúp các em nên người.

Việc không được phê bình học sinh trước lớp, trước trường đã tước bỏ quyền giáo dục của giáo viên, của nhà trường và tạo cơ hội cho cách hành xử theo kiểu “dân chủ quá trớn” của học sinh với giáo viên, tạo tiền lệ nguy hiểm cho nhiều hành vi học sinh xem thường giáo viên. Và khi đối mặt với những học sinh cá biệt có những biểu hiện như vậy, nếu giáo viên hành xử thiếu đi sự tinh tế và cẩn trọng thì chính những giáo viên có trách nhiệm đó lại đón nhận sự chỉ trích dữ dội từ báo chí, mạng xã hội, của phụ huynh học sinh và các hình thức kỷ luật của ngành.

Là một giáo viên, tôi luôn phản đối các đồng nghiệp của mình mạt sát, chửi bới hoặc đánh đập học trò sai phạm, nhưng tôi không đồng thuận việc không được phê bình học sinh trước lớp, trước trường khi các em sai phạm. Vấn đề quan trọng là cách thức, hình thức nhắc nhở như thế nào của thầy cô để các em tâm phục, khẩu phục nhận ra cái sai của mình để sửa chữa và tiến bộ.

Giáo dục là cả một nghệ thuật, nó là nghệ thuật của nghệ thuật nên không có một công thức chung cho tất cả mọi học sinh. Có nhiều

học sinh thì nhờ sự động viên, khích lệ, khen thưởng mà tiến bộ nhanh và trưởng thành. Có những học sinh mà nhờ thầy cô tận tâm, trách nhiệm và nghiêm khắc, nhờ phê bình và kỷ luật mà trưởng thành. Điều quan trọng mà mỗi thầy cô giáo phải tùy vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể phụ thuộc vào những đối tượng học sinh cụ thể mà ứng xử cho phù hợp. Chỉ có nghề giáo và những nhà giáo tâm huyết, có kinh nghiệm và kỹ năng giảng dạy và giáo dục mới làm tốt việc đó. Giáo dục muốn hiệu quả phải luôn là một phép cộng hài hòa của 3 yếu tố: gia đình, nhà trường và xã hội.

Một nền giáo dục phát triển phải là một nền giáo dục có kỷ cương, kỷ luật và tình thương, trách nhiệm.

Thứ hai, việc cho phép học sinh sử dụng điện thoại di động trong giờ học. Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư 32/2020 (có hiệu lực từ ngày 1.11.2020), ở Chương V, Tiểu mục 4, Điều 37 ghi các hành vi học sinh không được làm, trong đó “Sử dụng điện thoại di động, các thiết bị khác khi đang học tập trên lớp không phục vụ cho việc học tập và không được giáo viên cho phép”. Dù những người có trách nhiệm liên quan đến nội dung của Thông tư này có giải thích, biện luận như thế nào trên các phương tiện truyền thông thì đó vẫn là những sự nguy hiểm hoàn toàn không thuyết phục. Chỉ có giáo viên phổ thông mới thật sự thấu hiểu như thế này là ỏn hay không ỏn, lợi hay hại. Chỉ có các bậc phụ huynh có con đang học THCS, THPT hiện nay mới thấy rõ sự tai hại của việc này.

Trong thời kỳ bùng nổ của cách mạng khoa học kỹ thuật và thông tin hiện nay, điện thoại thông minh có chức năng kết nối mạng giúp chúng ta tiếp cận nhanh hơn, hiệu quả hơn bất kỳ các phương tiện thông tin khác. Pháp luật

không cấm học sinh phổ thông dùng điện thoại đi động, nhưng việc cho học sinh mang điện thoại đi động vào sử dụng trong các tiết học (điều này phải được sự cho phép của giáo viên) là một chủ trương bất ổn tiềm ẩn nhiều bất cập. Một giáo viên dạy trong 1 lớp học từ 30 đến 40 em không bao giờ có thể kiểm soát được việc các em đang dùng điện thoại có đúng mục đích trong giờ học hay không. Việc cho phép học sinh sử dụng điện thoại trong giờ học sẽ dễ dẫn đến tình trạng thầy giảng 1 mình trên bục giảng, còn ở dưới lớp thì trò mải mê vào điện thoại. Đọc thoại.

Việc sử dụng điện thoại đi động đến mức phổ biến và thường xuyên trên lớp học, ở trường học sẽ tạo nên “hội chứng nghiện” điện thoại bất cứ không gian, thời gian nào. Thầy cô mất kiểm soát ở trường và về nhà, bố mẹ cũng sẽ không thể giám sát và kiểm soát con em mình dùng điện thoại cho các lý do, mục đích nào. Điều này thì rất nhiều thầy cô và các bậc phụ huynh đã thấy rõ. Rất nhiều vụ bạo lực học đường xuất phát từ những chiếc điện thoại đi động thông minh đã và đang gióng lên những hồi chuông báo động cho các nhà quản lý giáo dục, các thầy cô giáo và các bậc phụ huynh về nên hay không cho phép học sinh sử dụng điện thoại đi động trong giờ học.

2. Thông tư 01, 02, 03, 04/2021 của Bộ GD&ĐT

Năm 2020 mới kết thúc, năm 2021 vừa bắt đầu thì dư luận xã hội lại nóng lên bởi “chùm” Thông tư mới. Ngày 2/2/2021, Bộ GD&ĐT đã ban hành các Thông tư 01, 02, 03, 04/2021/TT-BGDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường mầm non đến trung học phổ thông công lập. Điều mà các Thông tư đó nêu không tưởng mình là những loại chứng chỉ nào là điều kiện để được bổ nhiệm thăng

hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và chứng chỉ nào là bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; phân loại chứng chỉ bắt buộc và chứng chỉ nào không bắt buộc trong quản lý viên chức.

Để được thăng hạng, nâng ngạch, giáo viên phải tự học các khóa để cấp chứng chỉ chức danh nghề nghiệp. Tôi và rất nhiều cán bộ quản lý, giáo viên cho rằng, việc học và thi để lấy các chứng chỉ vừa gây tốn kém tiền của, lãng phí về thời gian cho giáo viên nhưng lại không có ý nghĩa thực tế. Hầu hết các giáo viên đi học và thi lấy các loại chứng chỉ không phải phục vụ cho việc nâng cao kiến thức, kỹ năng phục vụ chuyên môn. Họ muốn học và thi để lấy chứng chỉ vì 3 lý do: nâng hạng, giữ hạng và tụt hạng gắn liền với danh dự và mức lương tương ứng với các chức danh nghề nghiệp. Không phải tất cả những cán bộ quản lý, giáo viên đã có các chứng chỉ các lớp học và có chức danh nghề nghiệp ở các “hạng” khác nhau lại có chất lượng cao hơn những người có “hạng” thấp hơn. Nhiều giáo viên lo lắng và hầu hết đều mong muốn bỏ chứng chỉ chức danh nghề nghiệp bởi họ cho rằng, bản thân các loại chứng chỉ này không đánh giá đúng năng lực, thực lực giảng dạy của đội ngũ giáo viên hiện nay. Cuộc đua về năng lực, chuyên môn giảng dạy trước đây bây giờ đã biến thành cuộc chạy đua đi học chứng chỉ để thăng hạng và trụ hạng. Trình độ chuyên môn của giáo viên luôn được bổ sung, học hỏi qua rèn luyện và cống hiến, nó được tôi luyện từ ý chí phấn đấu và lòng yêu nghề của các thầy cô chứ không thể “mặc định” qua một vài chứng chỉ. Tôi cho rằng, một giáo viên giỏi, lương cao được thể hiện đánh giá bằng thực lực, bằng cống hiến và lấy hiệu quả, chất lượng đầu ra của học trò là thước đo chính xác nhất.

Tôi cho rằng, đánh giá năng lực để bổ nhiệm và xếp lương thông qua các chứng chỉ chức danh nghề nghiệp đã và đang gây tranh cãi

trong dư luận, nhất là cộng đồng giáo viên phổ thông vì nó ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của bộ phận này. Việc điều chỉnh các thông tư hay bỏ chứng chỉ chức danh nghề nghiệp là thẩm quyền của các cơ quan chức năng của Bộ Nội vụ và Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên, bất cứ quy định nào đưa ra cũng đều phải hợp lý, khách quan, công bằng và đón nhận được sự đồng tình của xã hội.

Một vấn đề quan trọng mà rất nhiều giáo viên quan tâm trong “chùm” Thông tư này là việc xếp hạng đạo đức nhà giáo theo từng hạng 1, 2, 3 là điều rất khó hiểu. Đạo đức là giá trị phổ quát mà mọi giáo viên đứng trên bục giảng cần phải có chứ không phải khi ở hạng thấp thì chỉ cần đạo đức như thế này, khi ở hạng cao hơn lại cần đạo đức cao hơn. Hơn nữa, quy định về “Đạo đức nhà giáo” đã được Bộ GD&ĐT ban hành từ năm 2008 tại Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT, trong đó đã nói rất cụ thể về đạo đức nhà giáo, từ phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, lối sống tác phong, giữ gìn và bảo vệ đạo đức nhà giáo.

Thế nhưng, tại các Thông tư 01, 02, 03, 04 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng



Đường tới trường của thầy cô giáo vùng cao

dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, các trường phổ thông công lập, thì lại có các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp ở mỗi hạng. Và trong các tiêu chuẩn đó, có việc thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp. Như vậy có thể hiểu, đối với các thông tư này, đạo đức nhà giáo nằm trong tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp. Câu hỏi đặt ra ở đây là, vì sao đã có quy định về đạo đức nghề nghiệp rồi mà còn lại phải thêm các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp riêng của từng hạng? Liệu đây có phải là những quy định rất rườm rà, rối rắm, trùng lặp và không cần thiết không?

Sẽ không hề ngoa khi nói, giáo viên phổ thông bây giờ cứ sợ nhất là sáng mai đến trường đi dạy lại có thông tư mới đi liền với quá nhiều sự đổi thay đến chóng mặt. Chưa bao giờ giáo viên phổ thông lại bận rộn như hiện nay. Hết các thông tư, văn bản mới lại đến các loại tập huấn, bồi dưỡng, học và thi lấy chứng chỉ. Hết Modul 1, rồi 2, rồi 3. Áp lực và mệt nhọc - đó là một thực tế của rất nhiều giáo viên phổ thông hiện nay. Áp lực từ phía học sinh, phụ huynh, sự kỳ vọng của xã hội và nhất là từ phía lãnh đạo nhà trường, phòng, sở luôn đặt người giáo viên trong một trạng thái quá tải. Và khi họ không thể đủ thời gian và sức lực để không thể chần chừ từng ấy công việc ở trường thì họ sẽ phải làm đôi phó mà thôi.

3. Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, Bộ GD&ĐT ban hành Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Rất nhiều giáo viên phổ thông “choáng váng” bởi những quy định rất

máy móc, hình thức và dài dòng liên quan đến nội dung quy định soạn một kế hoạch bài dạy mới (nói tắt là giáo án). Tôi dùng từ “choáng” vì nếu soạn theo đúng tinh thần của công văn này thì mỗi kế hoạch bài dạy của giáo viên sẽ phải soạn bài có độ dài hàng chục trang giấy để triển khai cho 1 tiết dạy trên lớp. Nếu giả sử mỗi giáo viên sẽ dạy từ 3 đến 4 tiết/1 tuần/ nhiều lớp, 1 buổi dạy 4 lớp thì đủ biết người giáo viên đó sẽ phải mất rất nhiều thời gian và sức lực để chỉ lo việc soạn “kế hoạch bài dạy” cho tuần dạy đó. Chưa nói đến việc tự soạn mà giáo viên đó chỉ copy 1 lúc dăm chục trang “kế hoạch bài dạy” cũng đã tốn kém và chẳng đủ sức để làm.

Đầu tiên ở phần mục tiêu, yêu cầu giáo viên phải ghi đầy đủ kiến thức, năng lực, phẩm chất mà mục nào cũng quy định nêu cụ thể nội dung kiến thức học sinh cần học trong bài, nêu cụ thể yêu cầu học sinh làm được gì, nêu cụ thể về yêu cầu hành vi, thái độ...

Phần “thiết bị dạy học” và “học liệu” cũng yêu cầu nêu cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy.

Phần “Tiến trình dạy học” gồm các hoạt động dạy học trên lớp, từng hoạt động đều có mục tiêu riêng, nội dung sản phẩm, cách tổ chức hoạt động.

Nói một cách ngắn gọn, việc quy định mẫu giáo án mới theo Công văn 5512 này đã triệt tiêu sự sáng tạo và trói buộc sự chủ động của mỗi giáo viên, đẩy giáo viên sa vào chủ nghĩa hình thức, “hành chính hóa”. Không thể có 1 giáo án cho nhiều lớp. Mỗi đối tượng học sinh, mỗi lớp học sinh ở mỗi cấp, các giáo viên sẽ phải có sự linh hoạt, sáng tạo khi soạn bài dạy cho từng lớp dạy. Các nhà quản lý giáo dục chỉ nên quan tâm đến chất lượng chuẩn đầu ra. Sản phẩm của giáo dục là con người chứ không phải quyển giáo án trong cặp giáo viên.

Điều bất ổn nữa từ mẫu giáo án theo Công văn 5512 này là có lẽ nhiều giáo viên không soạn mà lên mạng chọn tài liệu. Chỉ việc mua và copy về, in ra và nộp cho Ban giám hiệu khi kiểm tra. Còn chất lượng của từng giáo án đó như thế nào thì không ai quan tâm, chất lượng giờ dạy như thế nào thì không ai kiểm chứng. Vậy là từ yêu cầu, quy định bất ổn đó trong Công văn 5512 này lại chính là việc Bộ GD&ĐT đang “bày” cho giáo viên có cách hành xử đối phó để cho xong việc mà thôi.

4. Đòi điều kiến nghị, đề xuất

Từ thực tiễn bất ổn đó, tôi thiết nghĩ 3 điều:

Thứ nhất, để một thông tư, văn bản có tính khoa học và tính khả thi, trước khi công bố các văn bản mang tính pháp quy cho ngành, cơ quan soạn thảo của Bộ GD&ĐT cần có các kênh thăm dò, lấy ý kiến tham vấn, góp ý, phản biện với tất cả các Sở GD&ĐT, các chuyên gia giáo dục, đội ngũ các cán bộ quản lý, các nhà giáo lão thành và đặc biệt là các nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy ở các trường phổ thông trên toàn quốc. Tránh việc ban hành mang tính áp đặt và không nên lấy mô hình của 1 địa phương nào đó để áp dụng giải pháp đó cho cả nước, trên toàn ngành. Mỗi vùng miền, mỗi địa phương đều có những điều kiện về kinh tế - xã hội, dân tộc, tôn giáo không hoàn toàn giống nhau. Đương nhiên, kiến thức và nhận thức về đổi mới giáo dục ngay trong cả một địa phương cũng đã có nhiều độ “vênh” giữa nông thôn với đô thị, giữa đồng bằng với miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Thứ hai, những người tham mưu soạn thảo, trực tiếp soạn thảo các văn bản đó nên phải dựa trên những cơ sở thực tiễn giáo dục, điều kiện kinh tế xã hội của đất nước và của từng địa phương trong giai đoạn hiện tại và sắp tới để soạn thảo văn bản. Điều tối quan trọng, để chủ trương, chính sách, văn bản đó sát với thực tế,

phù hợp với thực tiễn thì khi soạn thảo và ban hành các chủ trương, văn bản của ngành, các tác giả nên tự đặt mình vào vị trí của những giáo viên phổ thông đang trực tiếp làm nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục trong bối cảnh hiện nay.

Thứ ba, trong công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện mà nhiệm vụ trước mắt là triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới sẽ đối mặt với nhiều thử thách. Một cái mới ra đời không phải bao giờ cũng được tất cả mọi người dễ dàng đón nhận. Nhưng đổi mới không có nghĩa là phủ nhận sách tron cái cũ, từ bỏ tất cái cũ. Cũ nhưng vẫn đang dùng tốt, đang còn tác dụng và hiệu quả thì nên giữ. Mới nhưng xa lạ, xa thực tế và không phù hợp thì càng phải thận trọng.

Một thực tế trong những năm gần đây, có nhiều văn bản mang tính pháp quy của Bộ GD&ĐT khi bắt đầu công khai công bố trên phương tiện truyền thông đã vấp phải sự tranh cãi, bàn luận và phản biện của ngay những người trong ngành. Khi văn bản đó bắt đầu có hiệu lực thì cũng là lúc nảy sinh nhiều sự bất cập. Khi dư luận dậy sóng, những người có trách nhiệm liên quan các quyết sách đó ít khi có động thái cầu thị. Hầu hết sự giải thích của những người có trách nhiệm đều né tránh những điều bất cập và tìm nhiều lý do không thuyết phục để bao biện. Đó là cách hành xử không tường minh và thiếu sự cầu thị của Bộ GD&ĐT.

Thứ tư, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đang được triển khai rất nhiều phần việc và gánh nặng của nhiều phần việc đó đang thuộc về các giáo viên phổ thông. Bộ GD&ĐT cần giảm tải những phần việc, công việc không cần thiết mang tính hình thức để giáo viên bớt đi những áp lực trong thời điểm này để tạo cho họ tăng thêm niềm tin vào ngành và động lực cho nghề, để giúp họ an tâm lĩnh hội những cái mới một cách tốt nhất ở chương trình mới, sách giáo khoa mới và phương pháp giảng dạy mới. □



Chúng ta đang sống trong một nền hành chính mà mọi hoạt động dường như đều được điều chỉnh bằng một thứ văn bản nào đó. Dưới hiến pháp có luật, dưới luật có nghị định, dưới nghị định có thông tư, rồi đằng sau thông tư là trùng điệp các văn bản hướng dẫn khác. Bộ nào cũng xứng đáng và thực tế đều đã vinh dự trở thành chủ thể trong việc tạo nên sự trùng điệp văn bản ấy. Chắc chắn cần tính toán tổng hợp phức tạp và tốn kém, chỉ quan sát xã hội bằng thị lực bẩm sinh cũng có thể nhận thấy giáo dục có thể là lĩnh vực hồ hởi nhất trong việc “sản xuất” văn bản.

Như một phản xạ có điều kiện, cứ mỗi lần Bộ ban hành nội dung gì đó là mỗi lần dư luận xã hội lại được phen rôm rả, thậm chí có khi là nháo nhào. Điều an ủi đáng kể nhất là dư luận chưa bao giờ bỏ rơi giáo dục. Suy cho cùng thì xã hội còn để mắt đến giáo dục là hồng phúc cho giáo dục. Câu chuyện “Giáo án mẫu” vẫn chưa khô mực trong các dòng bình luận thì mới đây Bộ lại làm mới diễn đàn bằng các quy định về “Chứng chỉ chức danh nghề nghiệp” nghe thì văn vẻ đấy, nhưng gọi cho đúng tên thì nó đích thị là “Giấy phép con”, không hơn cũng chẳng kém. Nó rắc rối đến mức mà cách đây mấy ngày Thủ tướng đã phải “thối còi”. Nhưng có lẽ điều làm cho dư luận hoang mang hơn chính là câu chuyện phân hạng giáo viên, trong đó có cả phân hạng đạo đức. Giáo viên “vinh dự” được phân ra ba hạng (1, 2, 3). Nôm na “Tiêu chuẩn đạo đức nhà giáo”. Cũng “phiên” ra 3 hạng, cụ thể hạng III phải “thường xuyên trau dồi”, hạng II phải “luôn luôn gương mẫu” và hạng I phải là “tấm gương mẫu mực”. Phân hạng có lẽ là một thao tác kỹ thuật nhằm nhận diện chất lượng. Nhớ lại ngày xưa, thời bao cấp, lớp xe đạp người ta cũng phân ra các loại. Kể may